

Số: 345 /BC- ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 04 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Về kết quả khảo sát các bên liên quan về các mặt hoạt động của Nhà trường năm học 2024 - 2025

Thực hiện Kế hoạch số 119/KH-ĐHTCQTKD ngày 11/3/2025 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh về việc khảo sát các bên liên quan, năm học 2024 – 2025 đối với cán bộ, giảng viên, người học về các mặt hoạt động của Nhà trường như hoạt động đào tạo, hỗ trợ, phục vụ cộng đồng, chế độ chính sách, chiến lược phát triển Nhà trường, nghiên cứu khoa học và hoạt động giảng dạy. Kết quả khảo sát như sau:

1. Phương thức khảo sát

Khảo sát online toàn bộ với mọi đối tượng: Cán bộ, Giảng viên, Sinh viên, Học viên đang học tập tại Trường và sinh viên đại học chính quy tập trung K9 tốt nghiệp.

2. Kết quả phản hồi

+ Đối với khảo sát cán bộ, giảng viên: Số phiếu trả lời khảo sát đạt 205/248 (82,7%).

+ Đối với sinh viên đại học chính quy tập trung K9 tốt nghiệp: Số phiếu trả lời khảo sát đạt 687/801(85,77%).

+ Đối với sinh viên đang học tập tại Trường: Số phiếu trả lời khảo sát đạt 2444/2475 (98,7%).

+ Đối với học viên đang học tập tại Trường: Số phiếu trả lời khảo sát đạt 68/92 (73,9%).

3. Tiêu chí khảo sát

Các câu hỏi trong phiếu khảo sát đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Kém, trung bình, khá, tốt, rất tốt hoặc (5 tiêu chí gồm: Rất không hài lòng, không hài lòng, tương đối hài lòng, hài lòng, rất hài lòng).

- Đối với khảo sát Cán bộ, Giảng viên: Khảo sát theo 5 tiêu chí. Các câu hỏi trong nội dung này đều được đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Rất không hài lòng, không hài lòng, tương đối hài lòng, hài lòng, rất hài lòng.

- Đối với Sinh viên đại học chính quy tập trung K9 tốt nghiệp: Khảo sát theo 5 tiêu chí. Các câu hỏi trong nội dung này đều được đánh giá theo 5 mức độ

từ thấp đến cao, gồm: Kém, trung bình, khá, tốt, rất tốt (hoặc rất không hài lòng, không hài lòng, tương đối hài lòng, hài lòng, rất hài lòng hoặc rất không thích, không thích, tương đối thích, thích và rất thích).

- Đối với Sinh viên đang học tập tại Trường: Khảo sát theo 8 tiêu chí. Các câu hỏi trong nội dung này đều được đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Kém, trung bình, khá, tốt, rất tốt (hoặc rất không hài lòng, không hài lòng, tương đối hài lòng, hài lòng, rất hài lòng).

- Đối với Học viên đang học tập tại Trường: Khảo sát theo 6 tiêu chí. Các câu hỏi trong nội dung này đều được đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Kém, trung bình, khá, tốt, rất tốt (hoặc rất không hài lòng, không hài lòng, tương đối hài lòng, hài lòng, rất hài lòng).

4. Kết quả khảo sát

4.1. Kết quả khảo sát Cán bộ Giảng viên (có phụ lục kèm theo)

Nội dung khảo sát theo 5 tiêu chí, gồm: Chiến lược của Nhà trường, chế độ chính sách, hoạt động phục vụ/hỗ trợ, hoạt động nghiên cứu khoa học, tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, kết quả cụ thể như sau:

+ ***Về hoạt động phục vụ/hỗ trợ:*** Với 12 câu hỏi, về cơ bản kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt hơn 91%, tuy nhiên tiêu chí “chăm sóc sức khỏe y tế - đời sống” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở đạt lên chỉ đạt 48,29%.

+ ***Về chế độ chính sách:*** Với 7 câu hỏi, về cơ bản kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt hơn 91%, tuy nhiên tiêu chí “phúc lợi” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở đạt lên chỉ đạt 46,34%.

+ ***Về chiến lược của Nhà trường:*** Với 16 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên bình quân đạt trên 92%, tuy nhiên tiêu chí “chiến lược về xây dựng cơ sở vật chất” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở đạt lên chỉ đạt 48,3%.

- ***Về nghiên cứu khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế:*** Với 28 câu hỏi, kết quả cụ thể như sau:

+ Về công tác quản lý nghiên cứu khoa học: kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt bình quân trên 98%.

+ Về sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ: kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt bình quân trên 95%.

+ Về kinh phí cho nghiên cứu khoa học: kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt trên 92%, tuy nhiên tiêu chí “Hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt khoảng 50,2%.

+ Về nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp: kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt bình quân trên 95%, tuy nhiên tiêu chí “Công tác cung cấp thông tin về nghiên cứu sáng tạo kịp thời” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên chỉ đạt 58,5%.

+ Về quan hệ hợp tác, đối tác nghiên cứu: kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt bình quân trên 95%.

- **Về tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng:** Với 5 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên bình quân đạt trên 95%.

Ngoài ra, còn có một số ý kiến như: Cần có chính sách quan tâm hơn nữa đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và người lao động. Cần sửa chữa, thay thế kịp thời một số công cụ, thiết bị hỗ trợ giảng dạy tại các giảng đường (mic, bóng đèn, máy chiếu).

4.2. Kết quả khảo sát sinh viên đại học chính quy tập trung K9 tốt nghiệp (có phụ lục kèm theo)

Nội dung khảo sát theo 6 tiêu chí, gồm: Chương trình đào tạo; Quản lý và phục vụ đào tạo; Các hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên; Đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập; Cơ sở vật chất; Về đánh giá chung, kết quả cụ thể như sau:

- **Về chương trình đào tạo:** Với 11 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá, tốt trở lên đạt hơn 94%. Chỉ tiêu này trong năm học 2024 -2025 được cải thiện nhiều so với những năm học trước.

- **Về quản lý và phục vụ đào tạo:** Với 6 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá, tốt trở lên đạt hơn 92%. Chỉ tiêu này trong năm học 2024 -2025 được cải thiện nhiều so với những năm học trước.

- **Về các hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên:** Với 7 câu hỏi trong nội dung này, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt hơn 94%.

- **Về đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập:** Với 7 câu hỏi trong nội dung này, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá, tốt đạt 96%.

- **Về cơ sở vật chất:** Với 6 câu hỏi trong nội dung này, kết quả khảo sát được sinh viên đánh giá từ mức độ khá, tốt đạt hơn 93%.

- **Về đánh giá chung:** Với 5 câu hỏi, kết quả khảo sát thu được như sau:

+ Khóa học cung cấp cho sinh viên đủ những kiến thức cần thiết và được cập nhật được sinh viên đánh giá ở mức độ khá trở lên đạt trên 95%.

+ Khóa học giúp sinh viên phát triển những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp được sinh viên đánh giá ở mức độ khá trở lên đạt hơn 95%.

+ Khóa học giúp sinh viên phát triển đạo đức, nhân cách nghề nghiệp được sinh viên đánh giá ở mức độ khá trở lên đạt hơn 96%.

+ Có ý định học tiếp những bậc học cao hơn tại Nhà trường được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt hơn 95%.

+ Mức hài lòng của sinh viên về các học phần đào tạo kỹ năng mềm tại Trường được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt hơn 94%.

Ngoài ra, với câu hỏi “Anh/chị hài lòng như thế nào về tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân?” cũng được sinh viên đánh giá từ mức tương đối hài lòng trở lên đạt 98,7%.

Khi được hỏi “Mức độ yêu thích ngành học của anh/chị ở thời điểm này?” cũng được sinh viên đánh giá từ mức tương đối thích trở lên đạt 96%.

Khi được hỏi “Theo anh/chị, những giải pháp nào giúp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường?”, được sinh viên trả lời như sau:

+ Chương trình đào tạo được cập nhật theo yêu cầu nghề nghiệp của xã hội: 21,11%

+ Tăng thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo của ngành học: 25,04%

+ Sinh viên được học các học phần bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu thị trường lao động: 45,56%

+ Các giải pháp khác: Nhà trường cần cải thiện cơ sở vật chất (máy chiếu, đèn chiếu sáng); tăng lượng thời gian trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp.

4.3. Kết quả khảo sát sinh viên đại học chính quy tập trung đang học tại trường (có phụ lục kèm theo)

Nội dung khảo sát theo 8 tiêu chí, gồm: Chương trình đào tạo; Công tác cố vấn học tập; Công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hoạt động hỗ trợ người học, các hoạt động phong trào; Công tác kiểm tra đánh giá; Công tác tuyển sinh của nhà trường; Đội ngũ giảng viên; Kế hoạch học tập, giáo trình, tài liệu, cơ sở

vật chất, chế độ chính sách; và hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Kết quả như sau:

- **Về công tác tuyển sinh:** Nội dung này gồm 3 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 90%.

- **Về kế hoạch học tập, giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất, chế độ chính sách:** Nội dung này gồm 14 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 83%.

- **Về đội ngũ giảng viên:** Nội dung này gồm 5 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 93%.

- **Về chương trình đào tạo:** Với 5 câu hỏi, các câu hỏi đều được sinh viên đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 92%.

- **Về công tác kiểm tra đánh giá:** Nội dung này gồm 6 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 92%.

- **Về công tác cố vấn học tập:** Nội dung này gồm 4 câu hỏi, các câu hỏi đều được sinh viên đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 91%.

- **Về công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động phong trào:** Nội dung này gồm 8 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 92%.

- **Về hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên:** Nội dung này gồm 7 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 92%.

Ngoài ra, với câu hỏi “Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến bộ học tập của bản thân” cũng được sinh viên đánh giá từ mức khá trở lên đạt 94%.

Với câu hỏi “Những điều bạn hài lòng nhất trong quá trình học tập tại Trường”: Phần lớn sinh viên đánh giá cao về sự nhiệt tình, tận tâm của Giảng viên, về chất lượng giảng dạy của Giảng viên. Bên cạnh đó cũng có một số ý kiến về những điều chưa hài lòng của sinh viên như: Sinh viên mong muốn Nhà trường tổ chức nhiều sự kiện; cải thiện, nâng cấp cơ sở vật chất; Nhà trường tăng thêm thời gian tổ chức cho sinh viên đi trải nghiệm thực tế; Đôi khi Cán bộ, Giảng viên giải đáp chưa thỏa đáng, chưa nhiệt tình. Một số sinh viên có ý kiến về những khó khăn trong quá trình học tập như: cơ sở vật chất chưa đầy đủ (Máy chiếu mờ, máy tính hỏng nhiều, wifi yếu, nước bẩn, chỗ gửi xe thiếu,...), lịch học dày, giờ vào lớp buổi chiều quá sớm, tài liệu học tập ít, một số Thầy/cô giảng nhanh,...

4.4. Kết quả khảo sát Học viên đang học tại Trường (có phụ lục kèm theo)

Nội dung khảo sát theo 6 tiêu chí, gồm: Mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo; Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Hoạt động giảng dạy trong khóa học; Tổ chức đào tạo và đánh giá; Tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập; Tư vấn, hỗ trợ Học viên. Kết quả như sau:

- **Về mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo:** Nội dung này gồm 5 câu hỏi, các câu hỏi đều được Học viên đánh giá từ mức tốt trở lên đạt trên 88%.

- **Về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:** Nội dung này gồm 3 câu hỏi, các câu hỏi đều được Học viên đánh giá từ mức tốt trở lên đạt trên 89%.

- **Về hoạt động giảng dạy trong khóa học:** Nội dung này gồm 4 câu hỏi, các câu hỏi đều được Học viên đánh giá từ mức tốt trở lên đạt trên 94%.

- **Về tổ chức đào tạo và đánh giá:** Với 5 câu hỏi, các câu hỏi đều được Học viên đánh giá từ mức tốt trở lên đạt trên 90%.

- **Về tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập:** Nội dung này gồm 3 câu hỏi, các câu hỏi đều được Học viên đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 89%.

- **Về tư vấn, hỗ trợ Học viên:** Nội dung này gồm 5 câu hỏi, các câu hỏi đều được Học viên đánh giá từ mức tốt trở lên đạt trên 86%.

Ngoài ra, với câu hỏi “Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến bộ học tập của bản thân”, được Học viên đánh giá từ mức hài lòng trở lên đạt trên 95%.

Với câu hỏi “Anh/chị hài lòng như thế nào về tổng thể quá trình đào tạo và trải nghiệm tại Trường đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân”, được Học viên đánh giá từ mức hài lòng trở lên đạt trên 92%.

Bên cạnh đó, với câu hỏi “Những điều Anh/chị chưa hài lòng trong quá trình học tập tại Trường”, được Học viên chia sẻ: Mong muốn được nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất (tăng thêm ổ điện, nâng cấp trang thiết bị hiện đại cho bộ phòng học; buổi nghỉ trưa vẫn mở điều; cập nhật thường xuyên chương trình đào tạo bắt kịp với xu hướng, với thị trường; tổ chức đi trải nghiệm thực tế hoặc mời chuyên gia về Trường giảng dạy, chia sẻ kiến thức thực tế).

5. Phương hướng khắc phục trong năm học tới

*** Về phía Nhà trường**

- Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy hiện đại hơn.
- Tổ chức cho sinh viên được thực hành nhiều hơn trong quá trình học tập.
- Tăng thêm nhiều đầu sách hơn, giáo trình đa dạng, phong phú.
- Tăng thời lượng tổ chức cho Sinh viên, Học viên đi trải nghiệm thực tế.
- Thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình đào tạo.

*** Về phía giảng viên**

- Tăng cường trau dồi kiến thức, học tập nâng cao trình độ hơn.
- Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, bài giảng gắn liền với thực tiễn hơn.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện lấy ý kiến Cán bộ Giảng viên, người học về các mặt hoạt động của Nhà trường, hoạt động giảng dạy trong năm học 2024-2025, cũng như phương hướng hành động trong năm học tới./.

Nơi nhận:

- BGH; CTHĐT
- Các đơn vị;
- Cổng thông tin Trường;
- Lưu: VT; KT&QLCL.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

Phụ lục I
KẾT QUẢ KHẢO SÁT CBGV TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – QUẢN
TRỊ KINH DOANH TRÊN PHẦN MỀM NĂM HỌC 2024 -2025
(Kèm theo Báo cáo số 34.5/BC-ĐHTCQTKD ngày..04...tháng 6 năm 2025 của
Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A.	HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ/HỖ TRỢ				
1	Cơ sở vật chất hỗ trợ giảng dạy	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	8	3.90	
		3. Tương đối hài lòng	86	41.95	
		4. Hài lòng	91	44.39	
		5. Rất hài lòng	19	9.27	
2	Các công cụ phục vụ giảng dạy	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	12	5.85	
		3. Tương đối hài lòng	83	40.49	
		4. Hài lòng	89	43.41	
		5. Rất hài lòng	20	9.76	
3	Tài liệu giảng dạy	1. Rất không hài lòng	2	0.98	
		2. Không hài lòng	6	2.93	
		3. Tương đối hài lòng	73	35.61	
		4. Hài lòng	109	53.17	
		5. Rất hài lòng	15	7.32	
4	Về chăm sóc sức khỏe y tế - đời sống	1. Rất không hài lòng	2	0.98	
		2. Không hài lòng	15	7.32	
		3. Tương đối hài lòng	89	43.41	
		4. Hài lòng	78	38.05	
		5. Rất hài lòng	21	10.24	
5	Về công tác an ninh trật tự (an toàn, phù hợp)	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	6	2.93	
		3. Tương đối hài lòng	72	35.12	
		4. Hài lòng	111	54.15	
		5. Rất hài lòng	15	7.32	
6	Về việc tổ chức lớp học	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	5	2.44	
		3. Tương đối hài lòng	78	38.05	
		4. Hài lòng	103	50.24	
		5. Rất hài lòng	18	8.78	
7	Công tác phục vụ, hỗ trợ của	1. Rất không hài lòng	2	0.98	

	cán bộ viên chức	2. Không hài lòng	8	3.90	
		3. Tương đối hài lòng	68	33.17	
		4. Hài lòng	107	52.20	
		5. Rất hài lòng	20	9.76	
8	Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai, phục vụ tốt và tiện lợi cho việc quản lý, phục vụ sinh viên	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	8	3.90	
		3. Tương đối hài lòng	80	39.02	
		4. Hài lòng	100	48.78	
		5. Rất hài lòng	16	7.80	
9	Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được cập nhật, nâng cấp kịp thời các công cụ ứng dụng tin học hóa trong quản lý và phục vụ công việc của nhà trường.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	11	5.37	
		3. Tương đối hài lòng	84	40.98	
		4. Hài lòng	92	44.88	
		5. Rất hài lòng	18	8.78	
10	Ứng dụng CNTT trong công tác văn thư, lưu trữ	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	10	4.88	
		3. Tương đối hài lòng	86	41.95	
		4. Hài lòng	90	43.90	
		5. Rất hài lòng	18	8.78	
11	Công tác trang trí, khánh tiết, văn hóa công sở (văn minh, phù hợp)	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	4	1.95	
		3. Tương đối hài lòng	74	36.10	
		4. Hài lòng	103	50.24	
		5. Rất hài lòng	23	11.22	
12	Phân bổ kinh phí hàng năm cho các hoạt động của nhà trường	1. Rất không hài lòng	2	0.98	
		2. Không hài lòng	8	3.90	
		3. Tương đối hài lòng	91	44.39	
		4. Hài lòng	89	43.41	
		5. Rất hài lòng	15	7.32	
B.	CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH				
1	Chế độ, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng CBGV	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	16	7.80	
		3. Tương đối hài lòng	79	38.54	
		4. Hài lòng	93	45.37	
		5. Rất hài lòng	16	7.80	
2	Quy định về đào tạo, bồi dưỡng CBGV	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	6	2.93	
		3. Tương đối hài lòng	79	38.54	
		4. Hài lòng	102	49.76	
		5. Rất hài lòng	17	8.29	
3	Kiểm tra, giám sát quá trình	1. Rất không hài lòng	1	0.49	

	đào tạo bồi dưỡng CBGV	2. Không hài lòng	4	1.95	
		3. Tương đối hài lòng	86	41.95	
		4. Hài lòng	97	47.32	
		5. Rất hài lòng	17	8.29	
4	Chế độ, chính sách đãi ngộ sau đào tạo, bồi dưỡng CBGV	1. Rất không hài lòng	2	0.98	
		2. Không hài lòng	12	5.85	
		3. Tương đối hài lòng	85	41.46	
		4. Hài lòng	91	44.39	
		5. Rất hài lòng	15	7.32	
5	Hỗ trợ về thủ tục thanh toán các khoản thu nhập	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	4	1.95	
		3. Tương đối hài lòng	75	36.59	
		4. Hài lòng	101	49.27	
		5. Rất hài lòng	24	11.71	
6	Chế độ phúc lợi	1. Rất không hài lòng	2	0.98	
		2. Không hài lòng	15	7.32	
		3. Tương đối hài lòng	93	45.37	
		4. Hài lòng	82	40.00	
		5. Rất hài lòng	13	6.34	
7	Cơ cấu đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, hệ thống văn bản của Nhà trường được đánh giá, rà soát và cải tiến theo định kỳ	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	6	2.93	
		3. Tương đối hài lòng	85	41.46	
		4. Hài lòng	95	46.34	
		5. Rất hài lòng	18	8.78	
C.	CHIẾN LƯỢC CỦA NHÀ TRƯỜNG				
1	Chiến lược về xây dựng đội ngũ cán bộ, lãnh đạo nhà trường	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	1.95	
		3. Tương đối hài lòng	89	43.41	
		4. Hài lòng	94	45.85	
		5. Rất hài lòng	18	8.78	
2	Chiến lược về xây dựng đội ngũ giảng viên	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	5	2.44	
		3. Tương đối hài lòng	90	43.90	
		4. Hài lòng	94	45.85	
		5. Rất hài lòng	16	7.80	
3	Chiến lược về phát triển khoa học và hợp tác quốc tế	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	5	2.44	
		3. Tương đối hài lòng	93	45.37	
		4. Hài lòng	93	45.37	
		5. Rất hài lòng	13	6.34	
4	Chiến lược về xây dựng cơ sở vật chất	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	14	6.83	

		3. Tương đối hài lòng	91	44.39	
		4. Hài lòng	84	40.98	
		5. Rất hài lòng	15	7.32	
5	Chiến lược về nâng cao chất lượng đào tạo	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	6	2.93	
		3. Tương đối hài lòng	84	40.98	
		4. Hài lòng	98	47.80	
		5. Rất hài lòng	16	7.80	
6	Chiến lược về phát triển phục vụ cộng đồng	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	6	2.93	
		3. Tương đối hài lòng	84	40.98	
		4. Hài lòng	101	49.27	
		5. Rất hài lòng	13	6.34	
7	Cơ cấu đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, hệ thống văn bản của Nhà trường được đánh giá, rà soát và cải tiến theo định kỳ	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	4	1.95	
		3. Tương đối hài lòng	85	41.46	
		4. Hài lòng	98	47.80	
		5. Rất hài lòng	17	8.29	
8	Kế hoạch chiến lược của Nhà trường đã thể hiện sự quan tâm, gắn kết với các bên liên quan	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	7	3.41	
		3. Tương đối hài lòng	81	39.51	
		4. Hài lòng	101	49.27	
		5. Rất hài lòng	15	7.32	
9	Nhà trường đã ban hành chính sách đảm bảo cập nhật kịp thời, đúng quy định của Nhà nước về giáo dục - đào tạo	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	4	1.95	
		3. Tương đối hài lòng	69	33.66	
		4. Hài lòng	108	52.68	
		5. Rất hài lòng	23	11.22	
10	Nội dung chính sách của Nhà trường đảm bảo mang tính khả thi, hiệu quả.	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	4	1.95	
		3. Tương đối hài lòng	77	37.56	
		4. Hài lòng	105	51.22	
		5. Rất hài lòng	18	8.78	
11	Việc thực thi chính sách của Nhà trường đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng.	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	4	1.95	
		3. Tương đối hài lòng	79	38.54	
		4. Hài lòng	105	51.22	
		5. Rất hài lòng	16	7.80	
12	Nhà trường quy hoạch nguồn nhân lực đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	6	2.93	
		3. Tương đối hài lòng	80	39.02	
		4. Hài lòng	101	49.27	
		5. Rất hài lòng	17	8.29	

13	Nhà trường xác định và phổ biến các tiêu chí, tiêu chuẩn đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự rõ ràng, đáp ứng nhu cầu công tác.	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	7	3.41	
		3. Tương đối hài lòng	81	39.51	
		4. Hài lòng	99	48.29	
		5. Rất hài lòng	17	8.29	
14	Hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường hoạt động hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	5	2.44	
		3. Tương đối hài lòng	75	36.59	
		4. Hài lòng	106	51.71	
		5. Rất hài lòng	18	8.78	
15	Nhà trường sử dụng kết quả công tác quản lý thông tin đảm bảo chất lượng giáo dục để phục vụ cho việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học ngày một tốt hơn.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	7	3.41	
		3. Tương đối hài lòng	74	36.10	
		4. Hài lòng	107	52.20	
		5. Rất hài lòng	17	8.29	
16	Nhà trường luôn có kênh thông tin thường xuyên tìm hiểu, liên lạc nắm bắt tình hình sinh viên tốt nghiệp có việc làm ổn định để biết được chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.	1. Rất không hài lòng	1	0.49	
		2. Không hài lòng	8	3.90	
		3. Tương đối hài lòng	77	37.56	
		4. Hài lòng	100	48.78	
		5. Rất hài lòng	19	9.27	
D.	D. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ				
I.	Về công tác quản lý nghiên cứu khoa học				
1	Các quy chế, quy định về nghiên cứu khoa học công nghệ	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	2	0.98	
		3. Tương đối hài lòng	80	39.02	
		4. Hài lòng	104	50.73	
		5. Rất hài lòng	19	9.27	
2	Quy trình thực hiện đề tài NCKH cấp Trường	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	2	0.98	
		3. Tương đối hài lòng	76	37.07	
		4. Hài lòng	105	51.22	
		5. Rất hài lòng	22	10.73	
3	Quy trình thực hiện biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	3	1.46	
		3. Tương đối hài lòng	73	35.61	
		4. Hài lòng	105	51.22	
		5. Rất hài lòng	24	11.71	
4	Về cách thức tổ chức các Hội thảo khoa học cấp Trường	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	3	1.46	
		3. Tương đối hài lòng	65	31.71	
		4. Hài lòng	116	56.59	

		5. Rất hài lòng	21	10.24	
5	Số lượng, chất lượng các bài báo cáo trong hội thảo	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	3	1.46	
		3. Tương đối hài lòng	71	34.63	
		4. Hài lòng	114	55.61	
		5. Rất hài lòng	17	8.29	
6	Chất lượng các đề tài cấp Trường	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	2	0.98	
		3. Tương đối hài lòng	75	36.59	
		4. Hài lòng	107	52.20	
		5. Rất hài lòng	21	10.24	
7	Kiểm tra, giám sát thực hiện đề tài, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	1.95	
		3. Tương đối hài lòng	75	36.59	
		4. Hài lòng	109	53.17	
		5. Rất hài lòng	17	8.29	
8	Công tác đánh giá, nghiệm thu đề tài, giáo trình, tài liệu,...	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	3	1.46	
		3. Tương đối hài lòng	64	31.22	
		4. Hài lòng	117	57.07	
		5. Rất hài lòng	21	10.24	
II.	Về sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ				
1	Công tác quản trị bảo hộ tài sản trí tuệ được quan tâm	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	6	2.93	
		3. Tương đối hài lòng	84	40.98	
		4. Hài lòng	103	50.24	
		5. Rất hài lòng	12	5.85	
2	Công tác phổ biến các văn bản của Nhà nước quy định về quyền sở hữu trí tuệ	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	8	3.90	
		3. Tương đối hài lòng	83	40.49	
		4. Hài lòng	103	50.24	
		5. Rất hài lòng	11	5.37	
3	Sự giúp đỡ, hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	8	3.90	
		3. Tương đối hài lòng	88	42.93	
		4. Hài lòng	99	48.29	
		5. Rất hài lòng	10	4.88	
4	Số lượng loại hình tài sản trí tuệ ngày càng tăng	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	10	4.88	
		3. Tương đối hài lòng	79	38.54	
		4. Hài lòng	105	51.22	
		5. Rất hài lòng	11	5.37	

5	Công tác phát hành giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	7	3.41	
		3. Tương đối hài lòng	88	42.93	
		4. Hài lòng	91	44.39	
		5. Rất hài lòng	19	9.27	
6	Các sản phẩm NCKH được lưu trữ đầy đủ, khoa học	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	6	2.93	
		3. Tương đối hài lòng	68	33.17	
		4. Hài lòng	112	54.63	
		5. Rất hài lòng	19	9.27	
7	Công tác xuất bản Tạp chí Tài chính – Quản trị kinh doanh	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	3	1.46	
		3. Tương đối hài lòng	74	36.10	
		4. Hài lòng	104	50.73	
		5. Rất hài lòng	24	11.71	
8	Thông tin kết quả nghiên cứu được cập nhật liên tục	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	3	1.46	
		3. Tương đối hài lòng	74	36.10	
		4. Hài lòng	108	52.68	
		5. Rất hài lòng	20	9.76	
III.	Về kinh phí cho nghiên cứu khoa học				
1	Có chiến lược khai thác nguồn kinh phí cho Khoa học – CN	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	8	3.90	
		3. Tương đối hài lòng	87	42.44	
		4. Hài lòng	94	45.85	
		5. Rất hài lòng	16	7.80	
2	Phân bổ kinh phí cho từng loại hoạt động nghiên cứu (Đề tài, biên soạn, nghiên cứu khoa học sinh viên,...)	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	6	2.93	
		3. Tương đối hài lòng	93	45.37	
		4. Hài lòng	91	44.39	
		5. Rất hài lòng	15	7.32	
3	Công tác thanh toán kinh phí cho thực hiện nghiên cứu kịp thời, đúng quy định	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	5	2.44	
		3. Tương đối hài lòng	75	36.59	
		4. Hài lòng	110	53.66	
		5. Rất hài lòng	15	7.32	
4	Hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	16	7.80	
		3. Tương đối hài lòng	86	41.95	
		4. Hài lòng	89	43.41	
		5. Rất hài lòng	14	6.83	
IV.	Về nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp				

1	Nhà trường luôn quan tâm đề nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	1.95	
		3. Tương đối hài lòng	72	35.12	
		4. Hài lòng	108	52.68	
		5. Rất hài lòng	21	10.24	
2	Công tác cung cấp thông tin về nghiên cứu sáng tạo kịp thời	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	6	2.93	
		3. Tương đối hài lòng	79	38.54	
		4. Hài lòng	101	49.27	
		5. Rất hài lòng	19	9.27	
3	Số lượng, chất lượng nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp của CBGV ngày càng được cải thiện	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	8	3.90	
		3. Tương đối hài lòng	75	36.59	
		4. Hài lòng	100	48.78	
		5. Rất hài lòng	22	10.73	
4	Chất lượng đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên ngày càng sáng tạo, có tính khởi nghiệp thực tiễn hơn.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	9	4.39	
		3. Tương đối hài lòng	73	35.61	
		4. Hài lòng	105	51.22	
		5. Rất hài lòng	18	8.78	
V.	Về quan hệ hợp tác, đối tác nghiên cứu				
1	Quan hệ hợp tác, đối tác trong nghiên cứu ngày càng được mở rộng	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	10	4.88	
		3. Tương đối hài lòng	80	39.02	
		4. Hài lòng	96	46.83	
		5. Rất hài lòng	19	9.27	
2	Được cung cấp đầy đủ thông tin về các đầu tư/hỗ trợ của các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ cho Trường	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	7	3.41	
		3. Tương đối hài lòng	79	38.54	
		4. Hài lòng	103	50.24	
		5. Rất hài lòng	16	7.80	
3	Hiệu quả nguồn lực từ các mối quan hệ hợp tác, các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	8	3.90	
		3. Tương đối hài lòng	85	41.46	
		4. Hài lòng	97	47.32	
		5. Rất hài lòng	15	7.32	
4	Mức độ tiếp cận trao đổi, thụ hưởng từ sự hỗ trợ, đầu tư của các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	10	4.88	
		3. Tương đối hài lòng	82	40.00	
		4. Hài lòng	99	48.29	
		5. Rất hài lòng	14	6.83	
E.	TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG				

1	Công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	1.95	
		3. Tương đối hài lòng	57	27.80	
		4. Hài lòng	118	57.56	
		5. Rất hài lòng	26	12.68	
2	Phối hợp với Ban Giám hiệu cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống của đoàn viên, người lao động, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động xã hội trong đoàn viên, người lao động.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	6	2.93	
		3. Tương đối hài lòng	63	30.73	
		4. Hài lòng	114	55.61	
		5. Rất hài lòng	22	10.73	
3	Kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên và người lao động. Đấu tranh ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	5	2.44	
		3. Tương đối hài lòng	63	30.73	
		4. Hài lòng	120	58.54	
		5. Rất hài lòng	17	8.29	
4	Tổ chức vận động đoàn viên, người lao động trong trường thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	3	1.46	
		3. Tương đối hài lòng	54	26.34	
		4. Hài lòng	120	58.54	
		5. Rất hài lòng	28	13.66	
5	Kêu gọi cán bộ, giảng viên tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, từ thiện nhân đạo như ủng hộ Quỹ Khuyến học, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ Quỹ vì người nghèo,...	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	10	4.88	
		3. Tương đối hài lòng	49	23.90	
		4. Hài lòng	119	58.05	
		5. Rất hài lòng	27	13.17	

Ý kiến khác: Cần có chính sách quan tâm hơn nữa đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và người lao động; Các công cụ, thiết bị hỗ trợ giảng dạy tại các giảng đường như mic, bóng đèn, máy chiếu, cần được sửa chữa thay thế kịp thời hơn;

Phụ lục II
KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN K9- ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẬP
TRUNG TỐT NGHIỆP NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 215/BC-ĐHTCQTKD ngày...04...tháng 6 năm 2025
của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (CTĐT)				
1	CTĐT có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, thuận lợi cho người học lựa chọn học phần và được cập nhật kịp thời	Kém	6	0.87	
		Trung bình	29	4.22	
		Khá	196	28.53	
		Tốt	345	50.22	
		Rất tốt	111	16.16	
2	CTĐT đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH	Kém	4	0.58	
		Trung bình	24	3.49	
		Khá	170	24.75	
		Tốt	374	54.44	
		Rất tốt	115	16.74	
3	SV được thông báo đầy đủ về mục tiêu/chuẩn đầu ra của ngành học	Kém	4	0.58	
		Trung bình	23	3.35	
		Khá	161	23.44	
		Tốt	371	54.00	
		Rất tốt	128	18.63	
4	Các học phần có quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá	Kém	5	0.73	
		Trung bình	20	2.91	
		Khá	155	22.56	
		Tốt	382	55.60	
		Rất tốt	125	18.20	
5	CTĐT có mục tiêu rõ ràng, cụ thể	Kém	5	0.73	
		Trung bình	23	3.35	
		Khá	171	24.89	
		Tốt	365	53.13	
		Rất tốt	123	17.90	
6	Nội dung CTĐT có tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	Kém	4	0.58	
		Trung bình	25	3.64	
		Khá	189	27.51	
		Tốt	358	52.11	
		Rất tốt	111	16.16	
7	Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo	Kém	2	0.29	
		Trung bình	18	2.62	
		Khá	176	25.62	

		Tốt	378	55.02	
		Rất tốt	113	16.45	
8	SV có đủ thông tin về CTĐT trong quá trình học tập	Kém	4	0.58	
		Trung bình	18	2.62	
		Khá	172	25.04	
		Tốt	373	54.29	
		Rất tốt	120	17.47	
9	Phân bố các học phần chuyên ngành phù hợp theo từng năm học.	Kém	2	0.29	
		Trung bình	17	2.47	
		Khá	173	25.18	
		Tốt	369	53.71	
		Rất tốt	126	18.34	
10	CTĐT được xây dựng trong đó các học phần có tính hỗ trợ lẫn nhau.	Kém	2	0.29	
		Trung bình	18	2.62	
		Khá	167	24.31	
		Tốt	377	54.88	
		Rất tốt	123	17.90	
11	Các học phần được quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra, đánh giá.	Kém	3	0.44	
		Trung bình	17	2.47	
		Khá	167	24.31	
		Tốt	387	56.33	
		Rất tốt	113	16.45	
II.	QUẢN LÝ VÀ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO				
12	Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời cho sinh viên	Kém	5	0.73	
		Trung bình	21	3.06	
		Khá	190	27.66	
		Tốt	365	53.13	
		Rất tốt	106	15.43	
13	Các kỳ thi kết thúc học phần được tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc	Kém	4	0.58	
		Trung bình	12	1.75	
		Khá	165	24.02	
		Tốt	369	53.71	
		Rất tốt	137	19.94	
14	Các thông tin trên website của trường/khoadầy đủ và có hệ thống	Kém	11	1.60	
		Trung bình	31	4.51	
		Khá	192	27.95	
		Tốt	335	48.76	
		Rất tốt	118	17.18	
15	SV được thông báo kịp thời các thông tin về lịch thi, điểm thi, chế độ, chính sách...	Kém	10	1.46	
		Trung bình	29	4.22	
		Khá	194	28.24	
		Tốt	350	50.95	

		Rất tốt	104	15.14	
16	Quy trình giải quyết những khó khăn, thắc mắc của SV rõ ràng, kịp thời	Kém	18	2.62	
		Trung bình	36	5.24	
		Khá	208	30.28	
		Tốt	320	46.58	
		Rất tốt	105	15.28	
17	Sinh viên được tư vấn, tạo điều kiện thuận lợi để đăng ký học phần	Kém	10	1.46	
		Trung bình	21	3.06	
		Khá	200	29.11	
		Tốt	337	49.05	
		Rất tốt	119	17.32	
III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA ĐỘI NGŨ KỸ THUẬT VIÊN, NHÂN VIÊN					
18	Nhân viên các phòng ban có trình độ chuyên môn tốt, có thái độ tôn trọng sinh viên	Kém	11	1.60	
		Trung bình	27	3.93	
		Khá	189	27.51	
		Tốt	343	49.93	
		Rất tốt	117	17.03	
19	Nhân viên thư viện có thái độ phục vụ tốt	Kém	4	0.58	
		Trung bình	16	2.33	
		Khá	172	25.04	
		Tốt	381	55.46	
		Rất tốt	114	16.59	
20	Dịch vụ y tế, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu cho sinh viên	Kém	9	1.31	
		Trung bình	25	3.64	
		Khá	205	29.84	
		Tốt	343	49.93	
		Rất tốt	105	15.28	
21	Hoạt động hỗ trợ, giới thiệu việc làm luôn đáp ứng nhu cầu tìm việc của sinh viên.	Kém	3	0.44	
		Trung bình	28	4.08	
		Khá	220	32.02	
		Tốt	328	47.74	
		Rất tốt	108	15.72	
22	Hoạt động phong trào có tác động tích cực đến việc học tập, rèn luyện của SV	Kém	3	0.44	
		Trung bình	25	3.64	
		Khá	183	26.64	
		Tốt	361	52.55	
		Rất tốt	115	16.74	
23	Các hoạt động Đoàn, Hội, hoạt động phong trào bổ ích, thiết thực và thu hút.	Kém	3	0.44	
		Trung bình	26	3.78	
		Khá	204	29.69	
		Tốt	333	48.47	
		Rất tốt	121	17.61	
24	Sinh viên hài lòng về đội ngũ kỹ	Kém	3	0.44	

	thuật viên, nhân viên của trường	Trung bình	29	4.22	
		Khá	197	28.68	
		Tốt	340	49.49	
		Rất tốt	118	17.18	
IV.	ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CỐ VẤN HỌC TẬP				
25	Đa số giảng viên có kiến thức chuyên môn vững vàng	Kém	3	0.44	
		Trung bình	12	1.75	
		Khá	163	23.73	
		Tốt	362	52.69	
		Rất tốt	147	21.40	
26	Đa số giảng viên có phương pháp sư phạm tốt	Kém	2	0.29	
		Trung bình	19	2.77	
		Khá	159	23.14	
		Tốt	370	53.86	
		Rất tốt	137	19.94	
27	Đa số giảng viên có trách nhiệm, nhiệt tình, sẵn sàng hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên	Kém	2	0.29	
		Trung bình	23	3.35	
		Khá	151	21.98	
		Tốt	364	52.98	
		Rất tốt	147	21.40	
28	Đa số giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	Kém	2	0.29	
		Trung bình	16	2.33	
		Khá	153	22.27	
		Tốt	372	54.15	
		Rất tốt	144	20.96	
29	Đa số GV đánh giá kết quả học tập công bằng, khách quan, đúng năng lực của SV	Kém	2	0.29	
		Trung bình	21	3.06	
		Khá	178	25.91	
		Tốt	352	51.24	
		Rất tốt	134	19.51	
30	Cố vấn học tập có trách nhiệm, tận tâm, sẵn sàng giúp đỡ SV	Kém	3	0.44	
		Trung bình	25	3.64	
		Khá	167	24.31	
		Tốt	335	48.76	
		Rất tốt	157	22.85	
31	Cố vấn học tập có trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ tốt	Kém	4	0.58	
		Trung bình	24	3.49	
		Khá	158	23.00	
		Tốt	334	48.62	
		Rất tốt	167	24.31	
V.	CƠ SỞ VẬT CHẤT				

32	Phòng học, phòng thực hành đáp ứng nhu cầu đào tạo và học tập.	Kém	2	0.29	
		Trung bình	29	4.22	
		Khá	190	27.66	
		Tốt	342	49.78	
		Rất tốt	124	18.05	
33	Các trang thiết bị tại phòng học phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập	Kém	5	0.73	
		Trung bình	29	4.22	
		Khá	187	27.22	
		Tốt	345	50.22	
		Rất tốt	121	17.61	
34	Phòng máy tính đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên (số lượng, cấu hình...).	Kém	6	0.87	
		Trung bình	40	5.82	
		Khá	195	28.38	
		Tốt	327	47.60	
		Rất tốt	119	17.32	
35	Thư viện đảm bảo số lượng và chất lượng sách, báo, tài liệu.	Kém	3	0.44	
		Trung bình	35	5.09	
		Khá	181	26.35	
		Tốt	342	49.78	
		Rất tốt	126	18.34	
36	Thư viện đảm bảo yêu cầu về chỗ ngồi và không gian thoáng, yên tĩnh.	Kém	1	0.15	
		Trung bình	22	3.20	
		Khá	165	24.02	
		Tốt	359	52.26	
		Rất tốt	140	20.38	
37	Thư viện có đủ máy vi tính dùng cho sinh viên tra cứu tài liệu.	Kém	4	0.58	
		Trung bình	34	4.95	
		Khá	204	29.69	
		Tốt	322	46.87	
		Rất tốt	123	17.90	
VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG					
38	Khóa học cung cấp cho SV đủ những kiến thức cần thiết và được cập nhật.	Kém	1	0.15	
		Trung bình	28	4.08	
		Khá	188	27.37	
		Tốt	342	49.78	
		Rất tốt	128	18.63	
39	Khóa học giúp SV phát triển những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp	Kém	1	0.15	
		Trung bình	32	4.66	
		Khá	180	26.20	
		Tốt	350	50.95	
		Rất tốt	124	18.05	
40	Khóa học giúp SV phát triển đạo đức, nhân cách cho nghề nghiệp.	Kém	1	0.15	
		Trung bình	25	3.64	

		Khá	174	25.33	
		Tốt	361	52.55	
		Rất tốt	126	18.34	
41	Sinh viên có ý định học tiếp những bậc học cao hơn tại Nhà trường	Kém	5	0.73	
		Trung bình	32	4.66	
		Khá	201	29.26	
		Tốt	336	48.91	
		Rất tốt	113	16.45	
42	Sinh viên hài lòng về các học phần đào tạo kỹ năng mềm tại trường.	Kém	3	0.44	
		Trung bình	34	4.95	
		Khá	186	27.07	
		Tốt	335	48.76	
		Rất tốt	129	18.78	
43	Anh/Chị hài lòng như thế nào về tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân?	Rất không hài lòng	1	0.15	
		Không hài lòng	8	1.16	
		Tương đối hài lòng/Phân vân	169	24.60	
		Hài lòng	386	56.19	
		Rất hài lòng.	123	17.90	
44	Mức độ yêu thích ngành học của Anh/chị ở thời điểm này	Rất không thích	1	0.15	
		Không thích	27	3.93	
		Tương đối thích	247	35.95	
		Thích	290	42.21	
		Rất thích	122	17.76	
45	Theo Anh/chị, những giải pháp nào sau đây giúp nâng cao chất lượng đào tạo của trường	Chương trình đào tạo được cập nhật theo yêu cầu nghề nghiệp của xã hội	145	21.11	
		Tăng thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo của ngành học	172	25.04	
		Sinh viên được học các học phần bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu thị trường lao động	313	45.56	

Các giải pháp:

- Sinh viên được thực tập trải nghiệm tại 1 doanh nghiệp trong thời gian học dài hơn thay vì 1 ngày .
- Cơ sở vật chất nhất là đèn học và máy chiếu còn chưa chất lượng.
- Một số giảng viên ít liên hệ bài học với bên ngoài, chỉ đọc từ giáo trình ra và ví dụ trong giáo trình; Nâng cao trình độ sư phạm của giảng viên. Các học phần kỹ năng nên có ứng dụng thực tế trong quá trình học nhiều hơn.; Cập nhật, thiết kế nội dung chương trình đào tạo phù hợp, thích nghi kịp thời với thực tế công việc (Điều này đồng thời làm tăng yếu tố thực hành, thực tiễn).

Phụ lục III
KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẬP TRUNG
ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG

(Kèm theo Báo cáo số 345/BC-ĐHTCQTKD ngày...14 tháng 6 năm 2025
của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	Công tác tuyển sinh				
1	Hoạt động tư vấn tuyển sinh phong phú, đa dạng và có hiệu quả	1. Kém	53	2.17	
		2. Trung bình	260	10.64	
		3. Khá	755	30.89	
		4. Tốt	965	39.48	
		5. Rất tốt	411	16.82	
2	Kết quả tuyển sinh được công bố chính xác, kịp thời qua nhiều kênh thông tin.	1. Kém	38	1.55	
		2. Trung bình	203	8.31	
		3. Khá	708	28.97	
		4. Tốt	1,053	43.09	
		5. Rất tốt	442	18.09	
3	Thủ tục nhập học thuận tiện, được hướng dẫn cụ thể	1. Kém	36	1.47	
		2. Trung bình	177	7.24	
		3. Khá	645	26.39	
		4. Tốt	1,099	44.97	
		5. Rất tốt	487	19.93	
II.	Kế hoạch học tập, giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất, chế độ chính sách				
1	Việc sắp xếp thời khóa biểu thuận lợi cho sinh viên	1. Kém	55	2.25	
		2. Trung bình	215	8.80	
		3. Khá	706	28.89	
		4. Tốt	1,019	41.69	
		5. Rất tốt	449	18.37	
2	Khuôn viên Nhà trường sạch sẽ đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.	1. Kém	57	2.33	
		2. Trung bình	192	7.86	
		3. Khá	729	29.83	
		4. Tốt	1,021	41.78	
		5. Rất tốt	445	18.21	
3	Phòng học đủ chỗ ngồi, đảm bảo điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, thoáng mát.	1. Kém	40	1.64	
		2. Trung bình	169	6.91	
		3. Khá	688	28.15	
		4. Tốt	1,058	43.29	
		5. Rất tốt	489	20.01	
4	Trang thiết bị trong phòng học được trang bị đầy đủ, hiện đại, hoạt động tốt.	1. Kém	47	1.92	
		2. Trung bình	197	8.06	
		3. Khá	739	30.24	

		4. Tốt	1,023	41.86	
		5. Rất tốt	438	17.92	
5	Mức độ đáp ứng học tập của các phòng máy thực hành và hệ thống mạng.	1. Kém	103	4.21	
		2. Trung bình	263	10.76	
		3. Khá	814	33.31	
		4. Tốt	889	36.37	
		5. Rất tốt	375	15.34	
6	Thư viện đáp ứng đầy đủ về học liệu, được tạo điều kiện trong việc truy cập thông tin học tập.	1. Kém	49	2.00	
		2. Trung bình	190	7.77	
		3. Khá	738	30.20	
		4. Tốt	1,045	42.76	
		5. Rất tốt	422	17.27	
7	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của Sinh viên.	1. Kém	34	1.39	
		2. Trung bình	142	5.81	
		3. Khá	683	27.95	
		4. Tốt	1,097	44.89	
		5. Rất tốt	488	19.97	
8	Thời gia mượn và trả sách, tài liệu phù hợp	1. Kém	43	1.76	
		2. Trung bình	149	6.10	
		3. Khá	716	29.30	
		4. Tốt	1,112	45.50	
		5. Rất tốt	424	17.35	
9	Phòng máy tính và trang thiết bị phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập	1. Kém	80	3.27	
		2. Trung bình	227	9.29	
		3. Khá	795	32.53	
		4. Tốt	941	38.50	
		5. Rất tốt	401	16.41	
10	Thông tin được cập nhật đầy đủ, thường xuyên trên website Nhà trường. Truy cập thông tin dễ dàng.	1. Kém	55	2.25	
		2. Trung bình	194	7.94	
		3. Khá	679	27.78	
		4. Tốt	1,076	44.03	
		5. Rất tốt	440	18.00	
11	Ký túc xá đáp ứng đầy đủ điều kiện về nơi ở, an ninh, hoạt động học tập, thể thao	1. Kém	151	6.18	
		2. Trung bình	265	10.84	
		3. Khá	777	31.79	
		4. Tốt	878	35.92	
		5. Rất tốt	373	15.26	
12	Nhà trường đảm bảo điều kiện tốt về chăm sóc sức khỏe cho sinh viên trong toàn trường.	1. Kém	73	2.99	
		2. Trung bình	217	8.88	
		3. Khá	750	30.69	
		4. Tốt	998	40.83	
		5. Rất tốt	406	16.61	
13	Quy trình, thủ tục thu học phí	1. Kém	39	1.60	

		2. Trung bình	170	6.96	
		3. Khá	757	30.97	
		4. Tốt	1,053	43.09	
		5. Rất tốt	425	17.39	
14	Quy trình, thủ tục thanh toán học bổng và các chế độ chính sách khác	1. Kém	35	1.43	
		2. Trung bình	171	7.00	
		3. Khá	734	30.03	
		4. Tốt	1,070	43.78	
		5. Rất tốt	434	17.76	
III. Đội ngũ Giảng viên					
1	Cung cấp đầy đủ thông tin môn học, tài liệu học tập.	1. Kém	31	1.27	
		2. Trung bình	139	5.69	
		3. Khá	658	26.92	
		4. Tốt	1,100	45.01	
		5. Rất tốt	516	21.11	
2	Sử dụng công nghệ kết hợp phương pháp giảng dạy phù hợp	1. Kém	30	1.23	
		2. Trung bình	139	5.69	
		3. Khá	663	27.13	
		4. Tốt	1,109	45.38	
		5. Rất tốt	503	20.58	
3	Giảng viên thân thiện, có trình độ cao về chuyên môn giảng dạy.	1. Kém	29	1.19	
		2. Trung bình	142	5.81	
		3. Khá	630	25.78	
		4. Tốt	1,118	45.74	
		5. Rất tốt	525	21.48	
4	Giảng viên sẵn sàng giúp đỡ sinh viên, chia sẻ kinh nghiệm với sinh viên	1. Kém	25	1.02	
		2. Trung bình	143	5.85	
		3. Khá	608	24.88	
		4. Tốt	1,120	45.83	
		5. Rất tốt	548	22.42	
5	Sinh viên được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy, kế hoạch kiểm tra đánh giá học phần.	1. Kém	28	1.15	
		2. Trung bình	131	5.36	
		3. Khá	620	25.37	
		4. Tốt	1,141	46.69	
		5. Rất tốt	524	21.44	
IV. Chương trình đào tạo (CTĐT)					
1	CTĐT có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng. Được thông báo đầy đủ cho sinh viên.	1. Kém	24	0.98	
		2. Trung bình	146	5.97	
		3. Khá	666	27.25	
		4. Tốt	1,137	46.52	
		5. Rất tốt	471	19.27	
2	CTĐT đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV sau này.	1. Kém	30	1.23	
		2. Trung bình	141	5.77	

		3. Khá	706	28.89	
		4. Tốt	1,112	45.50	
		5. Rất tốt	455	18.62	
3	CTĐT được cập nhật thường xuyên	1. Kém	30	1.23	
		2. Trung bình	159	6.51	
		3. Khá	682	27.91	
		4. Tốt	1,109	45.38	
		5. Rất tốt	464	18.99	
4	Các môn học trong CTĐT được sắp xếp khoa học, hợp lý và công bố công khai trong toàn trường.	1. Kém	30	1.23	
		2. Trung bình	136	5.56	
		3. Khá	672	27.50	
		4. Tốt	1,142	46.73	
		5. Rất tốt	464	18.99	
5	Môi trường học tập, CTĐT của Nhà trường đáp ứng được mong đợi của sinh viên, giúp sinh viên tự tin tìm việc sau khi ra trường.	1. Kém	25	1.02	
		2. Trung bình	152	6.22	
		3. Khá	713	29.17	
		4. Tốt	1,099	44.97	
		5. Rất tốt	455	18.62	
V.	Công tác kiểm tra đánh giá				
1	Lịch thi, công tác kiểm tra đánh giá học phần được công bố rộng rãi và thực hiện đúng qui định.	1. Kém	23	0.94	
		2. Trung bình	134	5.48	
		3. Khá	649	26.55	
		4. Tốt	1,146	46.89	
		5. Rất tốt	492	20.13	
2	Cán bộ coi thi nghiêm túc, khách quan.	1. Kém	21	0.86	
		2. Trung bình	106	4.34	
		3. Khá	596	24.39	
		4. Tốt	1,140	46.64	
		5. Rất tốt	581	23.77	
3	Đề thi kết thúc học phần bám sát chương trình đã học.	1. Kém	31	1.27	
		2. Trung bình	139	5.69	
		3. Khá	694	28.40	
		4. Tốt	1,096	44.84	
		5. Rất tốt	484	19.80	
4	Kết quả thi đảm bảo tính công bằng, khách quan và công bố công khai.	1. Kém	25	1.02	
		2. Trung bình	142	5.81	
		3. Khá	643	26.31	
		4. Tốt	1,124	45.99	
		5. Rất tốt	510	20.87	
5	Công tác phúc khảo, khiếu nại kết quả thi, kiểm tra đánh giá được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định	1. Kém	32	1.31	
		2. Trung bình	150	6.14	
		3. Khá	683	27.95	
		4. Tốt	1,114	45.58	

		5. Rất tốt	465	19.03	
6	Các khiếu nại về kiểm tra đánh giá kết quả học tập được giải đáp hợp lý	1. Kém	29	1.19	
		2. Trung bình	172	7.04	
		3. Khá	666	27.25	
		4. Tốt	1,107	45.29	
		5. Rất tốt	470	19.23	
VI.	Công tác cố vấn học tập (CVHT)				
1	CVHT có nhiệt tình, quan tâm tới lớp, thường xuyên tổ chức sinh hoạt lớp	1. Kém	37	1.51	
		2. Trung bình	168	6.87	
		3. Khá	641	26.23	
		4. Tốt	1,054	43.13	
		5. Rất tốt	544	22.26	
2	CVHT có phổ biến kịp thời, đầy đủ các văn bản, kế hoạch của Nhà trường đến lớp	1. Kém	37	1.51	
		2. Trung bình	141	5.77	
		3. Khá	636	26.02	
		4. Tốt	1,086	44.44	
		5. Rất tốt	544	22.26	
3	CVHT có thường xuyên tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, định hướng nghề nghiệp cho SV	1. Kém	34	1.39	
		2. Trung bình	143	5.85	
		3. Khá	668	27.33	
		4. Tốt	1,064	43.54	
		5. Rất tốt	535	21.89	
4	CVHT có thường xuyên khuyến khích SV tham gia các phong trào của Nhà trường.	1. Kém	25	1.02	
		2. Trung bình	144	5.89	
		3. Khá	627	25.65	
		4. Tốt	1,077	44.07	
		5. Rất tốt	571	23.36	
VII.	Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động phong trào				
1	Có nhiều hoạt động hướng về người học, đảm bảo người học được tạo điều kiện tham gia.	1. Kém	31	1.27	
		2. Trung bình	137	5.61	
		3. Khá	701	28.68	
		4. Tốt	1,092	44.68	
		5. Rất tốt	483	19.76	
2	Các hoạt động giao lưu học tập phát huy được khả năng sáng tạo của sinh viên	1. Kém	29	1.19	
		2. Trung bình	142	5.81	
		3. Khá	692	28.31	
		4. Tốt	1,087	44.48	
		5. Rất tốt	494	20.21	
3	Sinh viên được tư vấn hỗ trợ trong suốt quá trình học tập tại trường.	1. Kém	27	1.10	
		2. Trung bình	149	6.10	
		3. Khá	693	28.36	
		4. Tốt	1,086	44.44	

		5. Rất tốt	489	20.01	
4	Sinh viên được đối thoại với Lãnh đạo Nhà trường/ Khoa/Phòng và được giải quyết thỏa đáng.	1. Kém	30	1.23	
		2. Trung bình	166	6.79	
		3. Khá	702	28.72	
		4. Tốt	1,071	43.82	
		5. Rất tốt	475	19.44	
5	Nhân viên các đơn vị phòng ban chức năng có thái độ tôn trọng, giúp đỡ sinh viên.	1. Kém	32	1.31	
		2. Trung bình	154	6.30	
		3. Khá	701	28.68	
		4. Tốt	1,084	44.35	
		5. Rất tốt	473	19.35	
6	Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức thường xuyên và đáp ứng nhu cầu của SV.	1. Kém	32	1.31	
		2. Trung bình	148	6.06	
		3. Khá	686	28.07	
		4. Tốt	1,098	44.93	
		5. Rất tốt	480	19.64	
7	Hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp hỗ trợ tốt cho SV.	1. Kém	35	1.43	
		2. Trung bình	137	5.61	
		3. Khá	690	28.23	
		4. Tốt	1,115	45.62	
		5. Rất tốt	467	19.11	
8	Sự hài lòng của SV đối với hoạt động của Đoàn thanh niên và tình nguyện.	1. Kém	27	1.10	
		2. Trung bình	154	6.30	
		3. Khá	692	28.31	
		4. Tốt	1,087	44.48	
		5. Rất tốt	484	19.80	
VIII.	Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên				
1	Nghiên cứu khoa học sinh viên là rất quan trọng và cần thiết.	1. Kém	24	0.98	
		2. Trung bình	140	5.73	
		3. Khá	706	28.89	
		4. Tốt	1,092	44.68	
		5. Rất tốt	482	19.72	
2	Thông tin nghiên cứu khoa học SV được phổ biến đầy đủ, cập nhật kịp thời tới sinh viên toàn Trường (trực tiếp đến các lớp, trên website của Trường).	1. Kém	28	1.15	
		2. Trung bình	135	5.52	
		3. Khá	718	29.38	
		4. Tốt	1,079	44.15	
		5. Rất tốt	484	19.80	
3	Nhà trường, các thầy/cô rất quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên tiếp cận làm nghiên cứu.	1. Kém	18	0.74	
		2. Trung bình	135	5.52	
		3. Khá	695	28.44	
		4. Tốt	1,106	45.25	
		5. Rất tốt	490	20.05	

4	Hội nghị khoa học sinh viên hàng năm được tổ chức chu đáo, trang trọng, biểu dương và tôn vinh những sinh viên có thành tích cao trong nghiên cứu.	1. Kém	25	1.02	
		2. Trung bình	128	5.24	
		3. Khá	712	29.13	
		4. Tốt	1,092	44.68	
		5. Rất tốt	487	19.93	
5	Kết quả nghiên cứu (đề tài) có chất lượng tốt, có tính ứng dụng cao, sáng tạo.	1. Kém	25	1.02	
		2. Trung bình	143	5.85	
		3. Khá	707	28.93	
		4. Tốt	1,100	45.01	
		5. Rất tốt	469	19.19	
6	Kinh phí cho nghiên cứu đủ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu.	1. Kém	26	1.06	
		2. Trung bình	135	5.52	
		3. Khá	760	31.10	
		4. Tốt	1,078	44.11	
		5. Rất tốt	445	18.21	
7	Giáo trình, đề cương bài giảng, tài liệu phục vụ giảng dạy (Tài sản trí tuệ) được xuất bản cung cấp kịp thời cho học tập và nghiên cứu	1. Kém	23	0.94	
		2. Trung bình	155	6.34	
		3. Khá	696	28.48	
		4. Tốt	1,099	44.97	
		5. Rất tốt	471	19.27	
IX. CÁC Ý KIẾN KHÁC					
1	Anh/Chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiên bộ học tập của bản thân?	1. Rất không hài lòng	86	3.52	
		2. Không hài lòng	62	2.54	
		3. Tương đối hài lòng/Phân vân	755	30.89	
		4. Hài lòng	1,355	55.44	
		5. Rất hài lòng	186	7.61	
2	Hình thức học bạn mong muốn trong thời gian tới:	1. Học trực tuyến	219	8.96	
		2. Học trên lớp	1,016	41.57	
		3. Học kết hợp giữa trên lớp và trực tuyến	1,209	49.47	
3	Những khó khăn bạn gặp phải khi tham gia các hình thức học tập:	Lấy ý kiến	718	29.38	

	2. Học trên lớp	986	41.76	
	3. Học kết hợp giữa trên lớp và trực tuyến	1,099	46.55	

Một số ý kiến khác:

- Về giảng viên: Nhiều giảng viên rất nhiệt tình, tâm huyết, hòa đồng, thân thiện, có trình độ chuyên môn tốt, giảng dạy tốt, có hiệu quả; Một số giảng viên giảng bài nhanh, ít chữa bài tập trên lớp, khó hiểu.
- Về lịch học, lịch thi: Thời gian vào lớp buổi chiều quá sớm, lịch học dày.
- Về cơ sở vật chất: Do thiết bị máy chiếu mờ và không ổn định, loa, mic kém, mạng kém, phòng máy nhiều máy tính hỏng; Giáo trình vẫn chưa đầy đủ; Nước ký túc xá bẩn.
- Về cơ sở vật chất: Do thiết bị máy chiếu mờ và không ổn định, loa, mic kém, mạng kém, phòng máy nhiều máy tính hỏng; Giáo trình vẫn chưa đầy đủ; Nước ký túc xá bẩn.

Phụ lục IV
KẾT QUẢ KHẢO SÁT HỌC VIÊN ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG
(Kèm theo Báo cáo số 345/BC-ĐHTCQTKD ngày 14 tháng 6 năm 2025
của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A.	Ý KIẾN ĐÓNG GÓP				
I.	Mục tiêu và nội dung CTĐT				
1	CTĐT có mục tiêu rõ ràng	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	6	8.82%	
		Tốt	36	52.94%	
		Rất tốt	26	38.24%	
2	Nội dung CTĐT phản ánh các mục tiêu của chương trình	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	8	11.76%	
		Tốt	29	42.65%	
		Rất tốt	31	45.59%	
3	Thời lượng của CTĐT đủ để phát triển kiến thức kỹ năng theo mục tiêu đào tạo.	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	7	10.29%	
		Tốt	32	47.06%	
		Rất tốt	29	42.65%	
4	CTĐT cung cấp kiến thức, kỹ năng hữu ích	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	5	7.35%	
		Tốt	28	41.18%	
		Rất tốt	34	50.00%	
5	Sắp xếp các học phần hợp lý	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	5	7.35%	
		Tốt	31	45.59%	
		Rất tốt	32	47.06%	
II.	Chuẩn đầu ra của CTĐT				
1	Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được mục tiêu đào tạo	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	7	10.29%	
		Tốt	35	51.47%	
		Rất tốt	26	38.24%	
2	Nội dung của CTĐT đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	

		Khá	6	8.82%	
		Tốt	34	50.00%	
		Rất tốt	28	41.18%	
3	Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng yêu cầu thực tế công việc	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	8	11.76%	
		Tốt	31	45.59%	
		Rất tốt	29	42.65%	
III. Hoạt động giảng dạy trong Khóa học					
1	Giảng viên giảng dạy trong khóa học có kiến thức chuyên môn cao	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	2	2.94%	
		Tốt	29	42.65%	
		Rất tốt	37	54.41%	
2	Giảng viên giảng dạy trong khóa học có phương pháp giảng dạy phù hợp	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	2	2.94%	
		Tốt	27	39.71%	
		Rất tốt	39	57.35%	
3	Giảng viên giảng dạy trong khóa học luôn lắng nghe, chia sẻ chuyên môn, kinh nghiệm với Học viên	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	3	4.41%	
		Tốt	24	35.29%	
		Rất tốt	41	60.29%	
4	Giảng viên hướng dẫn Học viên làm luận văn nhiệt tình và có hiệu quả.	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	4	5.88%	
		Tốt	27	39.71%	
		Rất tốt	37	54.41%	
IV. Tổ chức đào tạo và đánh giá					
1	Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	1	1.47%	
		Khá	6	8.82%	
		Tốt	28	41.18%	
		Rất tốt	33	48.53%	
2	Kế hoạch học tập thuận lợi cho Học viên học tập, nghiên cứu.	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	6	8.82%	
		Tốt	27	39.71%	
		Rất tốt	35	51.47%	
3	Học viên được thông báo đầy đủ về tiêu chí	Kém	0	0.00%	

	đánh giá kết quả học tập.	Trung bình	1	1.47%	
		Khá	4	5.88%	
		Tốt	30	44.12%	
		Rất tốt	33	48.53%	
4	Các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu CTĐT.	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	6	8.82%	
		Tốt	24	35.29%	
		Rất tốt	38	55.88%	
5	Kết quả đánh giá phản ánh khách quan	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	4	5.88%	
		Tốt	28	41.18%	
		Rất tốt	36	52.94%	
V.	Tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập				
1	Thư viện Nhà trường có đầy đủ tài liệu tham khảo cho các học phần.	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	7	10.29%	
		Tốt	32	47.06%	
		Rất tốt	28	41.18%	
2	Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, phù hợp với sĩ số lớp học.	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	3	4.41%	
		Tốt	30	44.12%	
		Rất tốt	35	51.47%	
3	Có đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ học tập và nghiên cứu của Học viên.	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	6	8.82%	
		Tốt	29	42.65%	
		Rất tốt	33	48.53%	
VI.	Tư vấn, hỗ trợ Học viên				
1	Chương trình tuyển sinh của Nhà trường được thông tin rộng rãi.	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	1	1.47%	
		Khá	9	13.24%	
		Tốt	26	38.24%	
		Rất tốt	32	47.06%	
2	Giáo viên chủ nhiệm hỗ trợ nhiệt tình	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	7	10.29%	
		Tốt	24	35.29%	
		Rất tốt	37	54.41%	
3	Khoa chuyên ngành quan tâm, hỗ trợ tư vấn	Kém	0	0.00%	

	nhiệt tình.				
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	6	8.82%	
		Tốt	26	38.24%	
		Rất tốt	36	52.94%	
4	Cán bộ phòng ban có thái độ hòa nhã, hỗ trợ, giải quyết kịp thời các vướng mắc của Học viên.	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	5	7.35%	
		Tốt	28	41.18%	
		Rất tốt	35	51.47%	
5	Các quy định của Nhà trường về quyền và nghĩa vụ của Học viên được thông báo đầy đủ, rõ ràng tới Học viên.	Kém	0	0.00%	
		Trung bình	0	0.00%	
		Khá	4	5.88%	
		Tốt	29	42.65%	
		Rất tốt	35	51.47%	
B.	CÁC Ý KIẾN KHÁC				
1	Anh/Chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến bộ học tập của bản thân?	Rất không hài lòng	0	0.00%	
		Không hài lòng	0	0.00%	
		Tương đối hài lòng/Phân vân	3	4.41%	
		Hài lòng	27	39.71%	
		Rất hài lòng	38	55.88%	
2	Anh/Chị hài lòng như thế nào về tổng thể quá trình đào tạo và trải nghiệm tại Trường đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân?	Rất không hài lòng	0	0.00%	
		Không hài lòng	0	0.00%	
		Tương đối hài lòng/Phân vân	5	7.35%	
		Hài lòng	28	41.18%	
		Rất hài lòng	35	51.47%	
3	Những điều Anh/chị chưa hài lòng trong quá trình học tập tại Trường:	Phòng học ít ổ điện, khiến học viên bất tiện trong việc sử dụng laptop phục vụ việc học; Trang thiết bị giảng đường còn trực trực gây ảnh hưởng đến việc học. Về mùa hè điều hòa bị ngắt buổi trưa học viên nghỉ ngơi tại phòng học không được thoải mái làm ảnh hưởng ít nhiều đến buổi học buổi chiều.			

4	Anh/chị vui lòng góp ý kiến cụ thể giúp cho việc cải tiến chất lượng CTĐT và hoạt động đào tạo thạc sĩ của Nhà trường.	Các chương trình đào tạo cần được cập nhật thường xuyên để đảm bảo phù hợp với xu hướng phát triển của ngành nghề, yêu cầu thị trường và các tiến bộ trong nghiên cứu khoa học; Hi vọng nhà trường và giảng viên sẽ thông cảm, tạo điều kiện cho học viên hơn vì tgian đôi khi học viên cũng có nhưng công việc bận ă; Thêm công nghệ hiện đại hỗ trợ học viên được tiếp cận trong học tập; Trong chương trình giảng dạy, nên có những buổi đi đến trực tiếp hoặc mời được các Lãnh đạo quản lý cấp cao về lĩnh vực đào tạo để có được những chia sẻ thực tế hơn về ngành đào tạo, thay vì chỉ nghiên cứu thuần về lý thuyết và giáo trình giảng dạy. Từ đó giúp học viên có được những trải nghiệm thực tế tốt hơn.
---	---	---